

1. KINH PHẠM VÔNG

(*Brahmajāla Sutta*)¹

Tụng phẩm I

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Rājagaha (Vương Xá) và Nālandā cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya, du sĩ ngoại đạo,² cũng đi trên con đường giữa Rājagaha và Nālandā cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikā,³ nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikā, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

– Nay các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Nay các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương

¹ Xem *D.* I. 47; III. 99; *M.* I. 237, 513; *S.* IV. 285; V. 419; *A.* V. 128; *MNid.* 209, 338, 444; *Miln.* 183; *Vin.* I. 179; II. 284; IV. 165; *Vbh.* 345; *Kvu.* 280. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm* kinh là *Phạm động kinh* 梵動經 (*T.01. 0001.21. 0088b12*). Tham chiếu: *Phạm vông lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T.01. 0021. 0264a20*); *Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm luận* 舍利弗阿毘曇論 (*T.28. 1548.19. 0656b19*).

² Suppiya là đệ tử của Sañjaya. Quan điểm của vị này sẽ được bàn luận trong kinh tiếp theo.

³ Ambalatthikā. *Vin.* II. 287; *D.* I. 1 viết đây là ngự uyển có nhà nghỉ bên trong giữa Rājagaha và Nālandā. Đức Phật và chư Tăng trên đường du hóa thường dừng chân nghỉ ngơi tại khu vườn này. Trong *DA.* I. 41-2, Buddhaghosa nói rằng khu vườn này nằm gần công thành, có hồ nước, mát mẻ do bóng râm của nhiều cây xoài nhỏ. Xung quanh khu vườn có hàng rào, trong khuôn viên có một nhà nghỉ được trang trí nhiều bức tranh về đời sống vương giả của nhà vua.

tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: “Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.” Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến.

5. – Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

– Bạch Thế Tôn, không thể được.

– Này các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: “Như thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi.”

6. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú, thời sẽ có hại cho các người. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: “Như thế này, điểm này đúng sự thật; như thế này, điểm này chính xác; việc này có giữa chúng tôi; việc này đã xảy ra giữa chúng tôi.”

Tiểu giới

7. Nay các Tỷ-kheo, thật sự chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh không có trộm cướp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo; nói những lời chơn thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói với những người kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ,⁴ nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ. Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Sa-môn Gotama từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Sa-môn Gotama từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Sa-môn Gotama từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận vàng và bạc. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận các hạt giống.

⁴ *Samphappalāpa*. Xem A. II. 23; J. VI. 295.

Sa-môn Gotama từ bỏ nhận thịt sống. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận đàn bà, con gái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận cừu và dê. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận gia cầm và heo. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Sa-môn Gotama từ bỏ bảo người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Sa-môn Gotama từ bỏ buôn bán. Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Sa-môn Gotama từ bỏ, không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Đây các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

Trung giới

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như các giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không làm hại hạt giống hay cây cối nào. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao lược, diễn binh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chơn chánh như trên. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phụ tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đắp bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tua dài; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phụ tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thân, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phụ tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: “Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí”; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là người phạm phụ tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không cho đưa các tin tức và không tự đứng làm môi giới. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, lấy lợi cầu lợi; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không lừa đảo và không siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

Đại giới

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muông, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té dầu, dùng miệng phun hột cải, v.v... vào lửa, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bọ cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngửa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng áo quần, tướng que gậy, tướng gương kiềng, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tại đài, tướng rùa, tướng thú vật; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ

có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng những tà mạng kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thơ, làm theo thế tình; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để đưa rước dâu hay rê, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến quai hàm cử động, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới

28. Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

Sáu mươi hai loại tà kiến

29. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp rằng: “Bản ngã và thế giới là thường còn” với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hàng trăm đời, hàng ngàn đời, hàng trăm ngàn đời, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp rằng bản ngã và thể giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Thường trú luận”, chấp rằng bản ngã và thể giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, ... mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp rằng bản ngã và thể giới là thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Thường trú luận”, cho rằng bản ngã và thể giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: “Bản ngã và thể giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: “Bản ngã và thể giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thể giới là thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”⁵

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương “Thường trú luận”, chấp rằng: “Bản ngã và thế giới là thường còn”, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai biết như vậy, lại biết hơn thế nữa, và không chấp sở tri ấy.⁶ Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh.⁷ Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm II

38. – Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp?

39. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại

⁵ Xem Tụng phẩm III. 89, 95.

⁶ Xem *Sum.* 182; *M.* I. 188, 251, 252, 422; *S.* I. 9, 10, 117; III. 54; *A.* II. 198; *Sn.* 611, 906; *Miln.* 96, 347.

⁷ Niết-bàn.

hữu tình phần lớn sanh qua cõi Ābhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loài chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

40. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

41. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: “Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!” Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận, bị mệnh chung và từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loài hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

42. Lúc bấy giờ, nay các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh ra [ở Phạm cung], nghĩ rằng: “Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh.”⁸ Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: ‘Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này.’ Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này.” Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: “Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau.”

43. Nay các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn.

44. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: “Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn,

⁸ Trong bài kinh này nói về Phạm thiên Baka. Câu chuyện về Phạm thiên Baka được đề cập ba lần trong *M. I. 326-331; S. I. 142-44; J. IV. 405.*

Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

45. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có hạng chư thiên gọi là Khiddāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hỷ tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hỷ tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

46. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: “Chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hỷ tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hỷ tiểu dục lạc nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm nên chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hỷ tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hỷ tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

47. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có hạng chư thiên gọi là Manopadosikā (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Họ sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể này của họ.

48. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: “Những vị chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, những vị ấy sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí của các vị ấy không oán ghét nhau. Vì tâm trí các vị ấy không oán ghét nhau nên thân các vị ấy không mệt mỏi, tâm các vị ấy không mệt mỏi. Những hàng chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của mình, sống thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

49. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: “Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

50. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương

“Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, vị ấy sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

51. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa, và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

52. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

53. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên hay vô biên với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên. Vị ấy nói rằng: “Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh. Vì sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó, tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh.”

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

55. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên hay vô biên?

Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: “Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: ‘Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh’, những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.

Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: ‘Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.’”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

56. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên hay vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: ‘Thế giới này là hữu biên và vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: ‘Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh’, thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: ‘Thế giới này là vô biên, không có giới hạn’, thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: ‘Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên.’”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

57. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: “Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: ‘Thế giới này là hữu biên, có giới hạn xung quanh’, những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: ‘Thế giới này là vô biên, không có giới hạn’, những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: ‘Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên’, những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.”

58. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương “Hữu biên, vô biên luận” với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

59. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

60. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

61. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, họ dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Ngụy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp?

62. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện.” Vị ấy nghĩ: “Tôi không như thật biết: ‘Đây là thiện’, không như thật biết: ‘Đây là bất thiện’, và nếu tôi trả lời: ‘Đây là thiện’, hoặc tôi trả lời: ‘Đây là bất thiện’, do như thật biết: ‘Đây là thiện’, do như thật biết: ‘Đây là bất thiện’, thời tôi nói dối. Nếu tôi nói dối thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chương ngại cho tôi.” Như vậy, vì sợ nói dối, vì chán ghét nói dối nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện.” Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.”

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

63. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Ngụy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện.” Vị ấy nghĩ: “Tôi không như thật biết: ‘Đây là thiện’, không như thật biết: ‘Đây là bất thiện’, và nếu tôi trả lời: ‘Đây là thiện’, hoặc tôi trả lời: ‘Đây là bất thiện’, do như thật biết: ‘Đây là thiện’, do như thật biết: ‘Đây là bất thiện’, thời dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời

thành một chương ngại cho tôi.” Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện.” Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Nguy biện luận”, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

64. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Nguy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện.” Vị ấy nghĩ: “Tôi không như thật biết: ‘Đây là thiện’, không như thật biết: ‘Đây là bất thiện’, và nếu tôi trả lời: ‘Đây là thiện’, hoặc tôi trả lời: ‘Đây là bất thiện’, do như thật biết: ‘Đây là thiện’, do như thật biết ‘Đây là bất thiện’, thì có những Sa-môn, Bà-la-môn bác học, tinh thông, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc; những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đá phá các tà kiến với trí tuệ của họ, họ có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu họ đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho họ.⁹ Nếu tôi không giải đáp được cho họ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thì thành một chương ngại cho tôi.” Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện.” Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Nguy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

65. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Nguy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn đần độn ngu si. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “‘Anh hỏi tôi có một thể giới khác hay không?’ Nếu tôi nghĩ: ‘Có một thể giới khác’, tôi có thể trả lời với anh: ‘Có một thể giới khác.’ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không

⁹ *Sampāyati*. Tham khảo *M. I.* 85, 96, 472; *Vin.* III. 317.

nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: ‘Không có một thế giới khác phải không?’ Nếu tôi nghĩ: ‘Không có một thế giới khác’, tôi có thể trả lời với anh: ‘Không có một thế giới khác.’ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: ‘Cũng có và cũng không có một thế giới khác?’... ‘Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?’... ‘Có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Không có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Nhu Lai có tồn tại sau khi chết?’... ‘Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết?’... ‘Nhu Lai có và không có tồn tại sau khi chết?’... ‘Nhu Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?’ Anh hỏi tôi như vậy, nếu tôi nghĩ: ‘Nhu Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết’, tôi có thể trả lời: ‘Nhu Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết.’ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.”

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

66. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Ngụy biện luận”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

67. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

68. Nay các Tỷ-kheo, có chư thiên gọi là Vô Tướng Hữu Tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: “Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình.”

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

69. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: “Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.”

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

70. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, họ sẽ chấp cả hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri,

giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

71. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên.¹⁰ Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, họ sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

72. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

73. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

74. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?

75. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tướng sau khi chết”, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu tướng sau khi chết” với mười sáu luận chấp?

76. Những vị này chủ trương: “Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng.” Họ chủ trương: “Bản ngã không có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng.”... “Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...”... “Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc...”... “Bản ngã là hữu biên...”... “Bản ngã là vô biên...”... “Bản ngã là hữu biên và vô biên...”... “Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên...”... “Bản ngã là nhất tướng...”... “Bản ngã là dị tướng...”... “Bản ngã là thiếu tướng...”... “Bản ngã là vô lượng tướng...”... “Bản ngã là thuần lạc...”... “Bản ngã là thuần khổ...”... “Bản ngã là khổ lạc...” Họ chủ trương: “Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng.”

¹⁰ Xem Tụng phẩm I. 1. 29.

77. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tướng sau khi chết”, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Hữu tướng sau khi chết”, họ sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm III

78. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

79. Những vị này chủ trương: “Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng”... “Bản ngã không có sắc...”... “Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...”... “Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc...”... “Bản ngã là hữu biên...”... “Bản ngã là vô biên...”... “Bản ngã là hữu biên và vô biên...”... Những vị này chấp: “Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.”

80. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các

thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

81. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

82. Những vị này chấp: “Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng”... “Bản ngã là vô sắc...”... “Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...”... “Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc...”... “Bản ngã là hữu biên...”... “Bản ngã là vô biên...”... “Bản ngã là hữu biên và vô biên...”... Những vị này chấp: “Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng.”

83. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

84. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

85. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý

kiến: “Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thể hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy, một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu mất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

86. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

87. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

88. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm các dị tướng, nhận hiệu: Hư không là vô biên, đạt đến Không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

89. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Không vô biên xứ, nhận hiệu: Thức là vô biên, đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

90. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiệu: Không có sở hữu, đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn

diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu, đạt đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình.

91. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình, họ chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

92. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

93. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Những Sa-môn hay Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

94. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: “Khi nào bản ngã này tận hưởng sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết-bàn của loài hữu tình.”

95. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết-bàn. Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc là vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa nên sầu, bi, khổ, ưu, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp,

đạt đến và an trú vào Thiền thứ nhất; thiền định này có tâm có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn.” Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

96. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì có sao? Vì ở đây, thiền định ấy có tâm có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy diệt tâm và tứ, đạt đến và an trú Thiền thứ hai; thiền định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tâm không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn.” Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

97. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì có sao? Vì ở đây, tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, đạt đến và an trú Thiền thứ ba. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn.” Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

98. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì có sao? Vì ở đây, tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào Thiền thứ tư; thiền này không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn.” Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

99. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác

ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

100. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, họ sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

101. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên.

102. Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về

quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, họ sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

103. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

104. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Kết luận

105. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

106. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

107. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

108. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

109. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp.

Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

110. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

111. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

112. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

113. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

114. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

115. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

116. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

117. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề

xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

118. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

119. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

120. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

121. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm [của các căn].

122. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

123. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

124. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

125. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

126. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

127. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

128. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

“Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

129. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

130. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn].

131. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

132. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

133. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

134. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

135. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

136. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

137. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

138. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

“Vô tướng luận sau khi chết”, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

139. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

140. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận”, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

141. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

142. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

143. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm.

144. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thường trú luận”, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Một phần thường trú luận, một phần vô thường luận”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Ngụy biện luận”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Vô nhân luận”...; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hữu tướng luận sau khi chết”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Vô tướng luận sau khi chết”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tướng, phi vô tướng sau khi chết”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận”...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương “Hiện tại Niết-bàn luận”...; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai...; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Tất cả những vị này có những cảm thọ [những chủ trương trên] do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ. Do duyên những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát

khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi.

145. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu xúc xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

146. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

Nay các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới có mắt sít sao trên mặt hồ nước nhỏ. Người ấy nghĩ: “Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.” Cũng như vậy, nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

147. Nay các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của Như Lai còn tồn tại, thời chư thiên và loài người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được.

Nay các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy, nay các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của Như Lai còn tồn tại, thời chư thiên và loài người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được.

148. Khi nghe nói vậy, Đại đức Ānanda bạch đức Thế Tôn:

– Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

– Nay Ānanda, pháp môn này gọi là “Lợi vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Pháp vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Phạm vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Kiến vông”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Vô thượng chiến thắng”, hãy như vậy mà phụng trì.

149. Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được tuyên thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.